

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 44 /2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 14 tháng 9 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: <u>26/9</u>

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 8 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

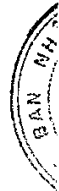
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4015/TTr-STC ngày 12 tháng 9 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Trung tâm); chế độ đối với người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện; tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.



2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ quản lý sau cai nghiện; cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

b) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

c) Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

d) Người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 2. Nội dung, mức chi cho người nghiện không nơi cư trú ổn định trong thời gian tạm trú tại Trung tâm

1. Tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày.

2. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng. Trường hợp trong thời gian lưu trú theo chỉ định của Bác sỹ phải điều trị cắt cơn tại Trung tâm: 500.000 đồng/người/lần. Đối với người bị nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Thông tư liên tịch 148/2014/TTLT-BTC-BLDTBXH ngày 8 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

3. Quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết (02 bộ quần áo dài, áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, kem đánh răng, xà bông...): 400.000 đồng/người/tháng.

4. Tiền vệ sinh phụ nữ: 30.000 đồng/người/tháng.

5. Tiền điện nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

Điều 3. Nội dung, mức chi cho người cai nghiện; người chưa thành niên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe:

a) Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe cho người cai nghiện: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLDTBXH.

b) Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe cho người chưa thành niên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 1.200.000 đồng/học viên/năm.

3. Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP: 30.000 đồng/học viên/ngày. Ngày lễ theo Luật Lao động, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: mức 70.000 đồng/người/năm.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền mai táng phí: người cai nghiện chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ, cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Mức mai táng phí là 5.400.000 đồng/người. Trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân chết thì cơ sở cai nghiện bắt buộc thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định.

- 7. Các chế độ hỗ trợ khác: áp dụng theo mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

Điều 4. Chế độ đóng góp, miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Chế độ đóng góp: Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian ở Trung tâm, gồm:

a) Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng.

b) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 400.000 đồng/người/đợt.

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện:

- Trường hợp cai nghiện với thuốc dịch vụ thì áp dụng theo đơn giá tự nguyện.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt cơn theo phát đồ của Bộ Y tế: tháng thứ nhất là 600.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 300.000 đồng/người/tháng.

d) Tiền học nghề (nếu có nhu cầu): áp dụng theo Quy định về mức chi cho dạy nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Chế độ miễn, giảm:

a) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm được miễn các khoản chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao, điện, nước, vệ sinh, phục vụ, quản lý và tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH trong thời gian ở trung tâm.

b) Người được xét miễn đóng góp tiền ăn, giảm 50% chi phí chữa trị cai nghiện tại Điểm c Khoản 1 Điều này trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp sau:

- Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Người chưa thành niên.

- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

- Người không có nơi cư trú ổn định.

c) Người được giảm 50% mức đóng góp tiền ăn, 30% chi phí chữa trị cai nghiện tại Điểm c Khoản 1 Điều này trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Điều 5. Chế độ đóng góp, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Chế độ đóng góp: Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện gồm:

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 400.000 đồng/người/đợt.

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt con: 30.000 đồng/người/ngày.

c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện:

- Trường hợp cai nghiện với thuốc dịch vụ thì áp dụng theo đơn giá tự nguyện.

- Trường hợp cai nghiện với thuốc cắt con theo phát đồ của Bộ Y tế: Tháng thứ nhất là 600.000 đồng/người/tháng và từ tháng thứ 2 trở đi là 300.000 đồng/người/tháng.

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có) áp dụng theo Quy định về mức chi cho dạy nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn đóng góp tiền ăn, tiền thuốc điều trị cắt con trong thời gian cai nghiện tập trung đối với các trường hợp: người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

b) Giảm 50% mức đóng góp tiền ăn, tiền thuốc điều trị cắt con trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Điều 6. Chế độ đóng góp, hỗ trợ, miễn, giảm đối với người sau cai nghiện ma túy áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Chế độ đóng góp

Người sau cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm hoặc thân nhân của người sau cai nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí sau:

- a) Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng.
- b) Tiền sinh hoạt văn thể: mức 70.000 đồng/người/năm.
- c) Chi phí khám chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng.
- d) Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 1.200.000 đồng/người/năm.

2. Chế độ hỗ trợ

- a) Tiền ăn: 900.000 đồng/người/tháng.
- b) Học nghề: áp dụng theo Quy định về mức chi cho dạy nghề nông thôn trên địa bàn.
- c) Chi phí điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.
- d) Đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV mức 300.000 đồng/người/năm.
- đ) Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi tượng hòa nhập cộng đồng: người sau cai nghiện sau khi hoàn thành thời gian áp dụng quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm được bàn giao về nơi cư trú trường hợp gia đình có hoàn cảnh khó khăn thì được hỗ trợ như sau:

- Tiền ăn là 25.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 5 ngày.

- Tiền xe theo giá phương tiện xe buýt công cộng.

e) Các chế độ hỗ trợ khác: áp dụng theo mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại trung tâm quản lý sau cai nghiện.

3. Chế độ miễn giảm:

a) Miễn đóng góp tiền ăn, chi phí khám bệnh, chữa bệnh và các chi phí quản lý khác trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp: người thuộc



diện hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối, người không có nơi cư trú ổn định.

b) Giảm 50% mức đóng góp tiền ăn, chi phí khám bệnh, chữa bệnh và các chi phí quản lý khác trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Điều 7. Các quy định khác

Các quy định khác ngoài quy định của Quyết định này được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH và Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

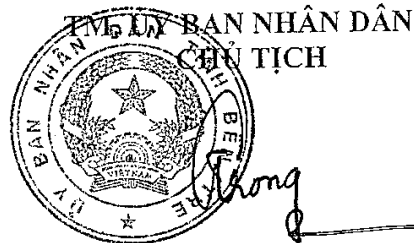
Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức đóng góp, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và các đối tượng cai nghiện ma túy, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KT VBQPPL-Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Bến Tre;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website Chính phủ; ✓
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- Báo Đồng Khởi và Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- N/c TČĐT, TH, KG-VX,TTTTĐT;
- Lưu: VT.



Cao Văn Trọng